TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 7 – 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải

Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh Phạm Tiến D., sinh năm 1984. Vắng mặt.

HKTT: K.Đ, L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang ở số 206 Avenir-1-902 Yakeyama, Tenpakuku, thành phố Nagoya, tỉnh Aichi, Nhật Bản.

**** Bị đơn***: Chị Lương Thị L.A, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Quê quán: Xã C.N, huyện D.T, tỉnh Hà Nam.

HKTT: K.Đ, L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ cư trú: Tầng 1, số 159, đường Beixing, quận Vĩnh Khang, thành phố Đài Nam, Đài Loan.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***: Cháu Phạm Trung Đ., sinh ngày 25/8/2007. Vắng mặt.

Địa chỉ: K.Đ, L.S, TP.Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu Đ.: Anh Phạm Tiến D., chị Lương Thị L.A là bố mẹ đẻ.

**** Người làm chứng***:

- Ông Lương Xuân Đ1., sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T.Đ, xã C.N, huyện D.T, tỉnh Hà Nam.

- Bà Nguyễn Thị K., sinh năm 1959. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K.Đ, phường L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Thái S., sinh năm 1976. Vắng mặt.

- Chị Đào Thị H., sinh năm 1978. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 423 đường N.V.L, phường A.T, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Tiến D. trình bày: Anh và chị Lương Thị L.A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L.S vào ngày 17/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ L.A tại khu phố K.Đ, L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. Anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống hai vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo nhiều lần nhưng anh và chị L.A vẫn không tìm được tiếng nói chung. Năm 2010, anh đi xuất khẩu lao động tại Nga đến năm 2018 hết hạn hợp đồng anh lại đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Năm 2015, chị L.A đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị L.A không còn, anh xin được ly hôn chị L.A.

Về con chung: Anh và chị L.A có một con chung là cháu Phạm Trung Đ., sinh ngày 25/8/2007, hiện cháu Đ. đang sống cùng bố mẹ L.A. Giải quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ. đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị L.A cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L.A có quyền thăm nom con chung, không ai cản trở. Anh nhờ bố, mẹ L.A nuôi dưỡng cháu Đ. trong thời gian anh không ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng nông nghiệp: Anh và chị L.A không có gì, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang ở Nhật Bản không về tham gia tố tụng tại Tòa án được, anh đề nghị Tòa án không hòa giải, giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh. Anh ủy quyền cho anh Nguyễn Thái S. là anh họ giao nộp các tài liệu, chứng cứ của anh cho Tòa án và nhận Bản án, quyết định của Tòa án giao cho anh.

Bị đơn chị Lương Thị L.A trình bày: Chị và anh Phạm Tiến D. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L.S vào ngày 17/01/2007; được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị và anh D. chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng, tại khu phố K.Đ, phường L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

quan điểm sống hai vợ chồng không hợp và thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị và anh D. vẫn không tìm được tiếng nói chung. Năm 2010, anh D. đi xuất khẩu lao động tại nước Nga đến năm 2018 hết hạn hợp đồng anh D. lại đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Năm 2015, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hiện tại chị vẫn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do khoảng cách địa lý quá xa và kinh tế vợ chồng không tập trung, tình cảm giữa chị và anh D. không được cải thiện, ai sống cuộc sống của người đó, không ai quan tâm đến ai nhiều năm nay. Anh D. xin ly hôn chị, chị nhất trí giải quyết ly hôn với anh D..

Về con chung: Chị và anh D. có một con chung là cháu Phạm Trung Đ., sinh ngày 25/8/2007, hiện cháu Đ. đang sống cùng ông, bà nội. Ly hôn chị có quan điểm giao cháu Đ. cho anh D. nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị và anh D. không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng: Hiện chị đang làm việc tại Đài Loan không về Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia tố tụng được nên đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt chị. Chị ủy quyền cho chị Đào Thị H., sinh năm 1978 ở số nhà 423 N.V.L, phường A.T, thành phố H.Y nộp hộ chị các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và nhận hộ chị các văn bản tố tụng của Tòa án. Chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Trung Đ. trình bày: Cháu là con của bố D., mẹ L.A, hiện cháu đang học lớp 10 trường trung học phổ thông chuyên Hưng Yên, cháu ở với bố D. tại nhà ông bà nội. Kể từ khi cháu lớn cháu thấy bố mẹ cháu có mâu thuẫn hay cãi nhau. Bố D. đi lao động bên Nga, sau đó sang Nhật lao động, hiện bố cháu đang ở Nhật Bản. Mẹ cháu đang lao động tại Đài Loan từ năm 2015 nay vẫn ở Đài Loan. Cháu ở với ông bà nội điều kiện ăn, ở, học tập tốt, không thiếu gì. Bố mẹ thường xuyên liên lạc điện thoại về động viên cháu. Những năm gần đây chỉ có bố D. gửi tiền về cho ông bà nội nuôi cháu. Nay bố cháu có đơn ly hôn với mẹ cháu, nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục ở với bố D. tại nhà ông bà nội và không yêu cầu gì ở mẹ L.A. Do cháu phải đi học, cháu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị K. trình bày: Bà là mẹ đẻ anh D.. Anh D. và chị L.A lấy nhau tự nguyện, hợp pháp. Tổ chức đám cưới xong chị L.A về gia đình bà ở ngay. Anh D., chị L.A chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Anh D. quăng quần áo đuổi chị L.A đi. Chị L.A không nín nhịn, vợ chồng cãi nhau. Anh D. và chị L.A đều nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Năm 2010, anh D. đi xuất khẩu lao động tại Liên Xô, chị L.A vẫn ở nhà cùng gia đình bà, anh chị vẫn liên lạc với nhau nhưng không hòa thuận. Khoảng những năm 2014, 2015 chị L.A đi lao động tại Đài Loan, anh D. vẫn ở bên Nga. Đến năm 2018, anh D. về nước và tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Anh D., chị L.A vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Chị L.A ít liên lạc với gia đình bà. Hai gia đình thông gia có khuyên nhủ cho anh D., chị L.A nhưng không có kết quả. Nay anh D. có đơn xin ly hôn chị L.A, quan điểm của gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh D., chị L.A. Cháu Phạm Trung Đ. là con chung của anh D., chị L.A hiện đang ở với gia đình bà từ bé. Khi chị L.A đi xuất lao động tại nước ngoài, thời gian đầu có gửi tiền về cho bà nuôi cháu Đ., thời gian gần đây chị L.A không gửi tiền về. Anh D. vẫn thường xuyên gửi tiền về. Hiện cháu Đ. đang học lớp 10 trường Chuyên Hưng Yên. Anh D. có nhờ gia đình bà nuôi dưỡng cháu Đ. hộ cho đến khi anh về nước, gia đình bà nhất trí. Anh D. và chị L.A không có tài sản chung, không liên quan gì đến tài sản gia đình bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- Ông Lương Xuân Đ1. trình bày: Ông là bố đẻ chị L.A. Anh D. và chị L.A lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện anh D. và chị L.A đều đi lao động ở nước ngoài, anh D. bên Nhật Bản, chị L.A sang Đài Loan lao động cũng khoảng 6, 7 năm nay. Quá trình chung sống anh D., chị L.A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông không rõ. Hai bên gia đình cũng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh D. có đơn xin ly hôn chị L.A, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh D., chị L.A. Cháu Phạm Trung Đ. là con chung của anh D., chị L.A, cháu ở với gia đình ông bà nội và thường xuyên sang nhà ông bà ngoại. Việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung do anh D., chị L.A quyết định. Anh D. và chị L.A không liên quan gì đến tài sản của gia đình ông. Vì lý do bận công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt.

Anh Nguyễn Thái S. nhất trí nhận ủy quyền của anh Phạm Tiến D..

Chị Đào Thị H. nhất trí nhận ủy quyền của chị Lương Thị L.A.

Ủy ban nhân dân phường L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Qua rà soát hồ sơ sổ sách lưu tại UBND phường anh Phạm Tiến D., sinh năm 1984; HKTT: K.Đ, L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên có đăng ký kết hôn với chị Lương Thị L.A, sinh năm 1987, nguyên quán: C.N, D.T, Hà Nam vào ngày 17/01/2007, số 04, quyển số 01/2007 tại UBND phường L.S. Trong quá trình chung sống anh chị có đăng ký khai sinh cho con của anh chị là cháu Phạm

Trung Đ., sinh ngày 25/8/2007 tại UBND phường L.S. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn gì hay không địa phương không nắm bắt được. Về vấn đề anh D. xin ly hôn chị lan Anh, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp: Có trường hợp Phạm Tiến D., sinh ngày 05/9/1984 tại Hưng Yên, CMND số 033084004817, khai hộ khẩu thường trú tại: K.Đ, L.S, thành phố H.Y ,tỉnh Hưng Yên đã xuất nhập cảnh 05 lần; lần cuối sử dụng hộ chiếu số C4351693 để xuất cảnh ngày 22/9/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Có trường hợp Lương Thị L.A, sinh ngày 10/10/1987 tại Hà Nam, CMND số 035187000150, khai hộ khẩu thường trú tại: K.Đ, L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần cuối sử dụng hộ chiếu số C0230503 để xuất cảnh ngày 01/9/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, vắng mặt các đương sự và những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn anh Phạm Tiến D., bị đơn chị Lương Thị L.A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Trung Đ., người làm chứng bà Nguyễn Thị K., ông Lương Xuân Đ1., anh Nguyễn Thái S., chị Đào Thị H. đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, người làm chứng đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ. Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Tiến D., cho anh D. được ly hôn chị Lương Thị L.A. Giao con chung cho anh D. nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D. không yêu cầu chị L.A cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Anh Phạm Tiến D. và chị Lương Thị L.A đều có hộ khẩu thường trú tại K.Đ, L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. Hiện anh D., chị L.A đang lao động và sinh sống ở nước ngoài, xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến D. và chị Lương Thị L.A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L.S , thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên ngày 17/01/2007 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh D., chị L.A đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống. Anh D. và chị L.A vẫn lao động ở nước ngoài nhiều năm nay, anh D. ở Nhật Bản, chị L.A ở Đài Loan. Anh D., chị L.A sống ly thân nhau từ 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh D. xác định tình cảm vợ chồng với chị L.A không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị L.A cũng xác định hết tình cảm vợ chồng với anh D., nhất trí ly hôn. Xét thấy anh D. và chị L.A mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D. xin ly hôn chị L.A. Chị L.A nhất trí, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D., xử cho anh D. được ly hôn chị L.A để anh, chị ổn định cuộc sống mới.

[2.2] Về con chung: Anh D., chị L.A có một con chung là cháu Phạm Trung Đ., sinh ngày 25/8/2007. Hiện cháu Đ. ở với anh D. tại nhà bố mẹ L.A D. là ông Phạm Văn Doãn và bà Nguyễn Thị K.. Anh D. xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cháu Đ. có nguyện vọng xin ở với bố D. tại nhà ông, bà nội. Anh D. không yêu cầu chị L.A cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L.A nhất trí với quan điểm của anh D. và nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đ. có chỗ ở ổn định, việc ăn, ở, học tập và phát triển tốt nên giữ nguyên hiện trạng, giao cháu Đ. cho anh D. nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ. đủ 18 tuổi. Chị L.A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con

chung không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Doãn và bà K. nuôi dưỡng cháu Đ. hộ anh D. trong thời gian anh D. không ở Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh D. và chị L.A đều khẳng định không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh D. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến D..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Tiến D. được ly hôn chị Lương Thị L.A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trung Đ., sinh ngày 25/8/2007 cho anh Phạm Tiến D. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đ. đủ 18 tuổi. Chị L.A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L.A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị K. nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ. hộ anh D. cho đến khi anh D. về Việt Nam.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Phạm Tiến D. và chị Lương Thị L.A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Tiến D. phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* anh D. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000256 ngày 25/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh D. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Tiến D., chị Lương Thị L.A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường L.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga